

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
100	A – Tài sản ngắn hạn	1.274.307.572.649	1.175.488.033.183
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	280.066.407.710	407.897.570.630
111	1. Tiền	252.559.580.313	321.897.570.630
112	2. Các khoản tương đương tiền	27.506.827.397	86.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	6.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	6.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	240.370.058.660	284.779.337.655
131	1. Phải thu khách hàng	174.419.935.866	224.966.617.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.759.569.941	48.417.545.399
136	34 Phải thu ngắn hạn khác	23.951.575.519	13.200.510.542
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.761.022.666)	(1.805.335.994)
140	IV. Hàng tồn kho	737.441.792.039	466.321.159.783
141	1. Hàng tồn kho	747.959.271.574	479.246.875.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(10.517.479.535)	(12.925.715.870)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	13.429.314.240	9.689.965.115
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6.057.243.757	1.876.239.818
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	200.672.369	7.488.635
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7.171.398.114	7.806.236.662
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN	831.721.302.717	850.241.438.403
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		
220	II. Tài sản cố định	714.878.371.516	720.603.669.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	504.326.159.829	508.585.409.073
222	- Nguyên giá	883.553.706.663	866.576.551.858
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(379.227.546.834)	(357.991.142.785)
227	3. Tài sản cố định vô hình	210.552.211.687	212.018.260.061
228	- Nguyên giá	253.451.135.393	253.303.885.393
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(42.898.923.706)	(41.285.625.332)
230	III. Bất động sản đầu tư	3.055.274.882	2.437.170.386
231	- Nguyên giá	5.625.315.267	4.775.315.567
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(2.570.040.385)	(2.338.145.181)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13.309.016.423	12.453.949.269
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.309.016.423	12.453.949.269
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	26.061.735.380	26.061.735.380
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.061.735.380	26.061.735.380
260	V. Tài sản dài hạn khác	74.416.904.516	88.684.914.234
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	26.701.263.222	29.456.270.576
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.117.306.248	5.915.826.398
268	3. Tài sản dài hạn khác	786.116.230	786.116.231
269	4. Lợi thế thương mại	40.812.218.816	52.526.701.029
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.106.028.875.366	2.025.729.471.586

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
300	A - NỢ PHẢI TRẢ	801.160.838.448	674.471.121.087
310	I. Nợ ngắn hạn	769.267.354.807	642.834.007.663
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	71.408.137.301	127.030.119.865
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.997.035.241	16.168.487.461
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.553.003.012	6.800.980.712
314	4. Phải trả người lao động	12.080.759.524	42.746.896.692
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14.621.158.850	12.806.259.293
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	450.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	236.748.894.304	178.800.852.077
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	358.608.593.339	220.998.579.442
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.799.773.236	37.481.832.121
330	II. Nợ dài hạn	31.893.483.641	31.637.113.424
337	7. Phải trả dài hạn khác	539.998.000	239.469.000
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.353.485.641	31.397.644.424
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	1.304.868.036.918	1.351.258.350.499
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.304.868.036.918	1.351.258.350.499
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	175.869.880.000	175.869.880.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)	(50.000.000)	(50.000.000)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	523.357.831.436	463.019.466.983
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	188.721.431.683	294.659.665.467
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	98.553.568.110	75.336.140.433
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	90.167.863.573	219.323.525.034
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		
429	13. Lợi ích của cổ đông thiểu số	85.723.365.949	86.513.810.199
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	2.106.028.875.366	2.025.729.471.586

Ngày 22 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	582.678.589.830	637.057.953.983	928.135.526.729	982.851.086.935
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	63.980.905.268	69.891.120.920	93.792.954.258	88.642.603.975
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	518.697.684.562	567.166.833.063	834.342.572.471	894.208.482.960
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	350.724.184.528	347.160.509.669	571.002.241.404	581.963.897.223
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	167.973.500.034	220.006.323.394	263.340.331.067	312.244.585.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.166.526.990	3.926.750.356	7.386.638.897	5.676.575.041
22	7. Chi phí tài chính	12.446.793.855	7.796.487.004	17.835.933.533	10.868.147.104
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	5.545.006.982	3.033.824.865	9.631.630.560	5.335.255.218
25	8. Chi phí bán hàng	46.119.480.326	59.336.213.729	72.358.934.716	85.844.254.173
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.188.603.522	61.909.746.986	70.545.526.187	89.261.146.013
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	67.385.149.321	94.890.626.031	109.986.575.528	131.947.613.488
31	11. Thu nhập khác	722.826.627	460.529.615	1.796.080.599	5.372.686.976
32	12. Chi phí khác	1.794.554.981	496.959.713	2.767.775.162	851.492.023
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	(1.071.728.354)	(36.430.098)	(971.694.563)	4.521.194.953
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.313.420.967	94.854.195.933	109.014.880.965	136.468.808.441
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.645.538.272	11.075.572.957	16.288.895.901	14.879.428.709
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	111.565.811	(1.904.605.737)	(250.956.658)	(1.556.396.670)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	57.556.316.884	85.683.228.713	92.976.941.722	123.145.776.402

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	55.221.700.304	83.223.942.005	90.430.363.573	120.186.630.657
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.334.616.580	2.459.286.708	2.546.578.149	2.959.145.745
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.143	5.089	5.146	6.839
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.143	5.089	5.146	6.839

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tý

Ngày 22 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận trước thuế		109.020.198.990	136.468.808.441
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
2	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		35.861.206.515	36.525.688.727
3	Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng)		(2.452.549.663)	1.265.367.233
4	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(103.189.501)	632.675
5	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.291.932.254)	(4.680.721.914)
6	Chi phí lãi vay		9.631.630.560	5.335.255.218
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		144.665.364.647	174.915.030.380
9	Tăng các khoản phải thu		44.940.031.540	(24.340.803.016)
10	Tăng hàng tồn kho		(268.712.395.921)	(120.785.455.491)
11	Tăng các khoản phải trả		(82.908.511.574)	(21.450.817.665)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.425.996.585)	484.424.803
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.348.977.783)	(5.380.760.148)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(11.181.470.823)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.372.308.689)	(26.456.152.606)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(204.162.794.365)	(34.196.004.566)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(19.039.531.180)	(17.768.744.938)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.200.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		3.800.000.000	3.900.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.247.147.852	5.383.821.053
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.992.383.328)	(13.684.923.885)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ			
	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		399.317.416.085	273.717.202.447
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(261.707.402.188)	(185.853.166.302)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(53.389.188.625)	(35.715.446.577)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		84.220.825.272	52.148.589.568
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(127.934.352.421)	4.267.661.117
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		407.897.570.630	311.756.939.756
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		103.189.501	(632.675)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		280.066.407.710	316.023.968.198

Ngày 22 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Nguyễn Quang Trường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.**

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 với mã số 0101449271 ngày cấp 18/05/2021.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính :Nông nghiệp.**3. Ngành nghề kinh doanh.**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udonxay.	Nước CHXDND Lào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Lâm, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy CB thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (**)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
7	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (***)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và KD nông sản

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

(**) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (công ty con của Công ty) nắm 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

(***) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty nắm giữ gián tiếp qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.

- Tại ngày 30/06/2023 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 687 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

➤ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	- Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Anh	- Thành viên
Ông Trần Đình Long	- Thành viên (trúng cử ngày 20/04/2023)

➤ **BAN KIỂM SOÁT**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	- Thành viên

➤ **BAN GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc

II. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD. CNY. LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Máy móc và trang thiết bị	5 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 15
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	2 - 8
Phần mềm máy tính	5 - 6
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

20. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN; căn cứ Nghị Định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ "Thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. Điều kiện có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

- Năm 2023 là năm thứ 13 Công ty đáp ứng được điều kiện trên. Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3, Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài Chính "HƯỚNG DẪN VỀ MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2019/NĐ-CP NGÀY 01/02/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ". Các khoản thu nhập không phải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

25. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam; Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.**

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:** Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ **Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con,**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	3.586.901.243	6.760.350.664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	248.972.679.070	315.137.219.966
Các khoản tương đương tiền	27.506.827.397	86.000.000.000
Cộng	280.066.407.710	407.897.570.630

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Nắm giữ đến ngày chờ đáo hạn	3.000.000.000	6.800.000.000
Cộng	3.000.000.000	6.800.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/06/2023		01/01/2023	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
➤ Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306.080	53.80%	306.080	53.80%
Công ty CP cây trồng Trung Ương Quảng Nam (i)	450.100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96.41%	12.794.862	96.41%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94.00%	4.700.000	94.00%
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam		70%		70%
➤ Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (ii)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Phải thu khách hàng:		
- Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DV TM Tổng hợp Vincommerce	23.209.340.600	23.788.612.780
- Phải thu khách hàng khác	151.210.595.266	201.178.004.928
Cộng	174.419.935.866	224.966.617.708
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.761.022.666)	(1.805.335.994)

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Trả trước cho nhà thầu	27.472.769.128	7.584.668.040
Công ty TNHH Cơ khí công nông nghiệp thực phẩm Bùi Văn Ngo		5.966.617.500
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI MINH PHÚ	4.527.063.800	
GUANGXI PINGXIANG SHENGRONG TRADING CO.,LTD	12.718.507.440	
Trả trước cho nhà thầu khác	10.227.197.888	1.618.050.540
Trả trước cho các người bán	41.747.638.657	40.832.877.359
Công ty cà phê 721		3.554.020.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	16.286.800.813	37.278.857.359
Cộng	43.759.569.941	48.417.545.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	125.579.833		187.752.696	
Tạm ứng cho nhân viên	3.273.471.550		1.620.577.075	
Phải thu dự án			3.910.132.506	
Chi phí sản xuất			3.705.980.376	
BHXX, KPCĐ	104.783.020		224.908.932	
Khoản 01	2.477.546.605		173.091.014	
Thù lao HĐQT	592.547.357		460.707.646	
	65.000.000			
Phải thu khác	17.312.647.154		2.917.360.297	
Cộng	23.951.575.519		13.200.510.542	

6. Nợ xấu

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
- Khách hàng khác	1.761.022.666		1.805.335.994	
Cộng	1.761.022.666		1.805.335.994	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

7. Hàng tồn kho

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.774.513.388		73.903.420.771	
Công cụ, dụng cụ	2.415.334.102		1.789.861.864	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.223.723.331		5.650.711.133	
Thành phẩm	667.405.566.702	10.517.479.535	397.758.581.885	12.925.715.870
Hàng hoá	2.140.134.051		144.300.000	
Cộng	747.959.271.574	10.517.479.535	479.246.875.653	12.925.715.870

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Dự đầu tư XDCB	6.945.060.237	4.906.825.080
Dự án các phần mềm	4.290.090.124	4.815.715.124
Dự án khác	1.054.471.362	1.712.014.365
Cộng	13.309.016.423	12.453.949.269

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	518.150.818.430	284.069.843.341	54.437.409.788	8.781.714.920	1.136.765.379	866.576.551.858
Tăng trong năm	1.772.878.481	17.020.046.441	330.000.000	120.619.356		19.243.544.278
Thanh lý		(2.163.080.821)	(237.500.000)	(47.162.000)		(2.447.742.821)
Tăng/giảm khác	(138.683.598)				320.036.946	181.353.348
Số dư cuối năm	519.785.013.313	298.926.808.961	54.529.909.788	8.855.172.276	1.456.802.325	883.553.706.663
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	178.590.556.680	139.606.819.570	32.947.565.846	5.709.435.310	1.136.765.379	357.991.142.785
Khấu hao trong năm	11.458.935.725	10.063.546.584	1.835.275.518	72.865.467		23.430.623.294
Thanh lý		(2.153.690.617)	(196.597.216)	(47.162.000)		(2.397.449.833)
Tăng/giảm khác	(116.806.358)				320.036.946	203.230.588
Số dư cuối năm	189.932.686.047	147.516.675.537	34.586.244.148	5.735.138.777	1.456.802.325	379.227.546.834
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	339.560.261.750	144.463.023.771	21.489.843.942	3.072.279.610		508.585.409.073
Số dư cuối năm	329.852.327.266	151.410.133.424	19.943.665.640	3.120.033.499		504.326.159.829

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 151.989.334.597 đồng

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	20.837.850.000	4.531.900.824	4.274.560.920	253.303.885.393
Tăng trong năm				147.250.000	-	147.250.000
Thanh lý						
Phan loại lại						
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	20.837.850.000	4.679.150.824	4.274.560.920	253.451.135.393
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		21.586.893.170	15.168.165.136	3.312.724.781	1.217.842.245	41.285.625.332
Khấu hao trong năm		435.903.920	871.779.168	180.003.186	125.612.100	1.613.298.374
Thanh lý						
Phan loại lại						
Số dư cuối năm		22.022.797.090	16.039.944.304	3.492.727.967	1.343.454.345	42.898.923.706
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	46.058.060.390	5.669.684.864	1.219.176.043	3.056.718.675	212.018.260.061
Số dư cuối năm	156.014.620.089	45.622.156.470	4.797.905.696	1.186.422.857	2.931.106.575	210.552.211.687

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 14.456.500.594 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

11. Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa,
vật kiến trúc**Nguyên giá:**

Số đầu năm	4.775.315.567
Tăng trong năm	849.999.700
Số cuối năm	5.625.315.267

Trong đó:

Đã khấu hao hết	1.215.993.793
-----------------	---------------

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	2.338.145.181
Tăng trong năm	231.895.204
Số cuối năm	2.570.040.385

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	2.437.170.386
Số cuối năm	3.055.274.882

12. Chi phí trả trước30/06/2023
(VND)01/01/2023
(VND)**a. Ngắn hạn**

Chi phí sửa chữa, cải tạo	834.913.727	209.642.757
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng, khấu hao TSCD chờ phân bổ	1.675.479.624	878.039.232
Chi phí chờ phân bổ	1.253.400.745	
Chi phí khác	2.293.449.661	788.557.829
Cộng	6.057.243.757	1.876.239.818

b. Chi phí dài hạn

Chi phí sửa chữa cải tạo	562.338.634	3.193.971.732
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng khu CN Đồng Văn I	9.166.387.492	9.247.398.622
Đầu tư vào hệ thống SX điện tại công ty Vinasolar	6.226.249.940	6.404.142.792
Công cụ, dụng cụ	3.276.053.662	4.098.636.268
Chi phí khác	7.470.233.494	6.512.121.162
Cộng	26.701.263.222	29.456.270.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

13. Lợi thế thương mại tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	208.320.030.417	26.557.087.281	1.669.498.593	180.093.444.543
Tăng trong năm	11.714.482.213		95.550.307	11.618.931.906
Số dư cuối năm	220.034.512.630	26.557.087.281	1.765.048.894	191.712.376.455
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	52.526.701.029		241.507.457	52.285.193.571
Tại ngày cuối năm	40.812.218.816		145.957.151	40.666.261.665

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	358.608.593.339	358.608.593.339	399.317.416.085	261.707.402.188	220.998.579.442	220.998.579.442
Vay ngân hàng ngắn hạn	358.608.593.339	358.608.593.339	399.317.416.085	261.707.402.188	220.998.579.442	220.998.579.442
Vay dài hạn đến hạn trả						
TỔNG CỘNG	358.608.593.339	358.608.593.339	399.317.416.085	261.707.402.188	220.998.579.442	220.998.579.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn**15.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	1.545.433.235	1.545.433.235	1.592.212.528	1.592.212.528
Phải trả người bán	69.862.704.066	69.862.704.066	125.437.907.337	125.437.907.337
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	9.297.050.770	9.297.050.770	53.143.220.809	53.143.220.809
- Phải trả người bán khác	60.565.653.296	60.565.653.296	72.294.686.528	72.294.686.528
b Phải trả dài hạn				
Cộng	71.408.137.301	71.408.137.301	127.030.119.865	127.030.119.865

15.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Người mua trả tiền trước	8.997.035.241	16.168.487.461
CỘNG	8.997.035.241	16.168.487.461

16. Chi phí phải trả

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	14.621.158.850	12.806.259.293
Chiết khấu thương mại, thanh toán	256.030.041	619.961.053
Chi phí phải trả tiền bản quyền	1.072.635.000	843.672.720
Chi phí sản xuất	104.941.745	2.219.328.972
Chi phí phải trả khác	13.187.552.064	9.123.296.548
b Phải trả dài hạn	31.893.483.641	31.637.113.424
Phải trả dài hạn khác	539.998.000	239.469.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.353.485.641	31.397.644.424

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	546.549.992	2.853.461.543	2.879.491.760	520.519.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.684.400.947	16.621.648.889	5.974.692.712	13.331.357.124
Thuế thu nhập cá nhân	(578.536.077)	9.933.054.835	12.073.843.177	(2.719.324.419)
Thuế khác	(3.657.670.812)	2.293.790.897	1.387.067.667	(2.750.947.582)
TỔNG CỘNG	(1.005.255.950)	31.701.956.164	22.315.095.316	8.381.604.898

Trong đó

Thuế thu trả trước	(7.806.236.662)	(7.171.398.114)
Thuế phải nộp	6.800.980.712	15.553.003.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

17. Phải trả khác

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Cổ tức phải trả	91.994.544.685	53.599.927.310
Lãi vay	282.652.777	
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV đã nộp thuế KPCĐ, BHXH	16.574.801.358	16.574.801.358
Các khoản CKTM, HTVC CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ DAEWON THỦ ĐỨC	419.846.875	
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	16.308.512.500	23.816.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.816.250.000	76.183.750.000
	11.168.536.109	8.626.123.409
Cộng	236.748.894.304	178.800.852.077

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	450.000.000	675.000.000
Cộng	450.000.000	675.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu:**

ĐVT: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	466.830.996.208	247.793.187.690	82.942.922.485	1.304.632.514.233
Phát hành cổ phiếu							
Lợi nhuận trong năm					220.647.286.220	6.238.654.616	226.885.940.836
Phân bổ vào các quỹ				22.399.992.713	(22.399.992.713)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(25.421.145.343)	(494.925.311)	(25.916.070.654)
Chia cổ tức					(123.021.612.000)	(1.929.769.000)	(124.951.381.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 (*)					(2.308.324.600)	(243.072.591)	(2.551.397.191)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 (**)					(592.500.000)		(592.500.000)
Sử dụng quỹ				(26.211.521.938)			(26.211.521.938)
Tăng/Giam khác					(37.233.787)		(37.233.787)
Số dư cuối năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	463.019.466.983	294.659.665.467	86.513.810.199	1.351.258.350.499

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	463.019.466.983	294.659.665.467	86.513.810.199	1.351.258.350.499
Lợi nhuận trong năm					90.430.363.573	2.546.578.149	92.976.941.722
Phân bổ vào các quỹ				77.436.168.281	(77.436.168.281)		(77.436.168.281)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(26.906.720.268)	(685.726.069)	(27.592.446.337)
Thù lao hội đồng quản trị					(89.489.901.960)	(2.293.904.040)	(91.783.806.000)
Sử dụng quỹ					(2.253.562.183)	(357.392.404)	(2.610.954.587)
Chia cổ tức				(17.097.803.828)			
Tăng/Giam khác					(282.244.665)	114	(282.244.551)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	523.357.831.436	188.721.431.683	85.723.365.949	1.304.868.036.918

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm nay 40%	Năm trước 70%
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.		

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Số dư đầu năm	463.019.466.983	466.830.996.208
Trích lập trong năm	77.436.168.281	20.261.234.580
Sử dụng trong năm	17.097.803.828	10.493.058.616
Số dư cuối năm	523.357.831.436	476.599.172.172

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	134.472.641.999	135.792.642.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.778.688	714.920,92
- Euro (EURO)	38.552	114.794,16
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316	80.316
Nợ khó đòi đã xử lý	10.716.972.907	10.716.972.907

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Doanh thu bán hàng	922.648.952.227	982.236.522.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.486.574.502	614.564.775
Cộng	928.135.526.729	982.851.086.935

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chiết khấu thương mại	24.290.606.716	32.990.534.559
Giảm giá hàng bán	212.759.577	621.206.033
Hàng bán bị trả lại	69.289.587.965	55.030.863.383
Cộng	93.792.954.258	88.642.603.975

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	571.322.499.298	579.091.795.439
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.087.978.441	
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho thuần	(2.408.236.335)	2.872.101.784
Cộng	571.002.241.404	581.963.897.223

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lãi chênh lệch tỷ giá	46.117.202	995.853.127
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.941.260.000	1.941.260.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.243.714.989	2.739.461.914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	155.546.706	
Cộng	7.386.638.897	5.676.575.041

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lãi tiền vay	9.631.630.560	5.335.255.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá	463.709.653	
Chiết khấu thanh toán	7.584.171.763	5.505.219.156
Chi phí hoạt động tài chính khác	156.421.557	27.672.730
Cộng	17.835.933.533	10.868.147.104

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Thu nhập khác	1.796.080.599	5.411.142.976
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản</i>	190.236.363	1.052.939.315
<i>Thu nhập khác</i>	1.605.844.236	4.358.203.661
Chi phí khác	2.767.775.162	
<i>Chi phí từ thanh lý tài sản</i>	83.279.098	
<i>Chi phí khác</i>	2.684.496.064	889.948.023
Cộng	(971.694.563)	4.521.194.953

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
a. Chi phí bán hàng	72.358.934.716	85.844.254.173
Chi phí nhân viên	13.896.598.090	21.939.181.254
Chi phí mua ngoài	21.794.643.190	27.560.778.131
Chi phí khấu hao	1.741.058.160	3.845.142.953
Các khoản chi phí bán hàng khác	34.926.635.276	32.499.151.835
b. Chi phí quản lý	70.545.526.187	89.261.146.013
Chi phí nhân viên	25.717.413.317	48.102.952.227
Chi phí khấu hao	5.979.835.545	5.819.343.533
Các khoản chi phí QLDN khác	27.133.795.113	23.624.368.041
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	11.714.482.212	11.714.482.212

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.877.793.916	627.228.441.443
Chi phí nhân công	55.598.693.176	106.983.078.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.861.206.515	36.525.688.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.017.862.807	64.596.770.824
Chi phí bằng tiền khác	102.193.298.549	35.347.813.353
Cộng	995.548.854.963	870.681.793.170

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	16.288.895.901	14.879.428.709
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Thuế thu nhập hoãn lại	(250.956.658)	(1.556.396.670)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 30/06/2023	Tại 30/06/2022
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	90.430.363.573	120.199.741.910
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5.146	6.839

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

ĐVT : VND

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	399.317.416.085	287.217.202.447
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	261.707.402.188	185.853.166.302
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận sau thuế	57.556.316.884	85.683.228.713
Cộng	57.556.316.884	85.683.228.713

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2023 đạt 67,17 % so với quý 2 năm 2022 nguyên nhân chi phí tài chính tăng và chi phí giá vốn tăng trong khi giá bán không tăng tương ứng dẫn đến lợi nhuận bị sụt giảm như trên.

2. Các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Từ 01/01/2023 Đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 Đến 30/06/2022
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	28.157.414.000	56.314.828.000
		Cổ tức đã trả	42.236.121.000	28.157.414.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng		13.282.500
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng		23.118.500
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	28.157.414.000	56.314.828.000

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính : VND

	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		750.000.000	450.000.000
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	125.000.000	90.000.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	125.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	125.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT	125.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	125.000.000	-
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	125.000.000	90.000.000
BAN KIỂM SOÁT		150.000.000	125.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	50.000.000	41.666.667
Ông Đỗ Tiến Sỹ	TV Ban Kiểm soát	50.000.000	41.666.667
Ông Lương Ngọc Thái	TVn Ban Kiểm soát	50.000.000	41.666.667
BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		6.659.579.000	9.112.606.439
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	1.758.000.000	2.429.737.500
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	2.453.866.000	2.273.763.000
Các thành viên ban điều hành		2.447.713.000	4.409.105.939
TỔNG CỘNG		7.559.579.000	9.687.606.439

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

3. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023 (VND)	30/06/2022 (VND)
Đến 1 năm	5.703.721.053	5.703.721.053
Trên 1 – 5 năm	8.984.709.417	8.984.709.417
Trên 5 năm	86.502.754.546	89.354.615.072
Cộng	101.191.185.016	104.043.045.542

4. Các sự kiện phát sinh sau kỳ quyết toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Ngày 22 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Trường